

Số: /QĐ-SCT

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 3501/QĐ-UBND ngày 18/10/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-SCT ngày 09/10/2018 của Sở Công Thương về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008;

Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Công Thương tỉnh Bình Định phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 166/QĐ-SCT ngày 09/10/2018 của Sở Công Thương về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO

9001:2008.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO Sở Công Thương, Trưởng các phòng chuyên môn Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở KH-CN;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tổng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN CÔNG BỐ
SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH ĐỊNH

**Công bố Hệ thống chất lượng tại Sở Công Thương Bình Định
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt
động tham mưu, giúp Ủy ban nhân tỉnh thực hiện chức năng quản
lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính về Công Thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT
ngày tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Sở Công Thương Bình Định)*

Bản Công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2019

GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Tổng

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH ĐỊNH
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày tháng 12 năm 2019
của Sở Công Thương Bình Định)

TT	Tên các lĩnh vực	Mã hiệu
I	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	NHHT
II	Vận hành và kiểm soát HTQLCL	
1	Chính sách chất lượng	CSCL
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3	Quy trình Quản lý rủi ro và cơ hội	HD.SCT.01
4	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản.	HD.SCT.02
5	Quy trình đánh giá nội bộ	HD.SCT.03
6	Quy trình xem xét của lãnh đạo	HD.SCT.04
7	Quy trình kiểm soát sản phẩm không phù hợp và hành động khắc phục	HD.SCT.05
III	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	QT.KTAT.01
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	QT.KTAT.02
3	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương.	QT.KTAT.03
4	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	QT.KTAT.04
5	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	QT.KTAT.05
6	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.	QT.KTAT.06
7	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.	QT.KTAT.07
8	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	QT.KTAT.08
9	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	QT.KTAT.09
10	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.	QT.KTAT.10
11	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	QT.KTAT.11

12	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	QT.KTAT.12
13	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	QT.KTAT.13
14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	QT.KTAT.14
15	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	QT.KTAT.15
16	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	QT.KTAT.16
17	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	QT.KTAT.17
18	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	QT.KTAT.18
19	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	QT.KTAT.19
20	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	QT.KTAT.20
21	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	QT.KTAT.21
22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	QT.KTAT.22
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	QT.KTAT.23
24	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	QT.KTAT.24
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	QT.KTAT.25
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	QT.KTAT.26
27	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	QT.KTAT.27
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.28
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.29
30	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.30
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.31
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.32
33	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.33
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG	QT.KTAT.34

35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.35
36	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	QT.KTAT.36
37	Thông báo hoạt động khuyến mại	QT.QLTM.01
38	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	QT.QLTM.02
39	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.QLTM.03
40	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.QLTM.04
41	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	QT.QLTM.05
42	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	QT.QLTM.06
43	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT.QLTM.07
44	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT.QLTM.08
45	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QT.QLTM.09
46	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;	QT.QLTM.10
47	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	QT.QLTM.11
48	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.	QT.QLTM.12
49	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.	QT.QLTM.13
50	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí .	QT.QLTM.14
51	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	QT.QLTM.15
52	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	QT.QLTM.16
53	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	QT.QLTM.17
54	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	QT.QLTM.18

55	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	QT.QLTM.19
56	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	QT.QLTM.20
57	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	QT.QLTM.21
58	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	QT.QLTM.22
59	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	QT.QLTM.23
60	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.	QT.QLTM.24
61	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	QT.QLTM.25
62	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	QT.QLTM.26
63	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	QT.QLTM.27
64	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	QT.QLTM.28
65	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	QT.QLTM.29
66	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	QT.QLTM.30
67	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	QT.QLTM.31
68	Đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	QT.QLTM.32
69	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	QT.QLTM.33
70	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.	QT.QLTM.34
71	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	QT.QLTM.35
72	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT.QLTM.36
73	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT.QLTM.37
74	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT.QLTM.38

75	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	QT.QLTM.39
76	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	QT.QLTM.40
77	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	QT.QLTM.41
78	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	QT.QLTM.42
79	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	QT.QLTM.43
80	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	QT.QLTM.44
81	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT.QLTM.45
82	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT.QLTM.46
83	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT.QLTM.47
84	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	QT.QLTM.48
85	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	QT.QLTM.49
86	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	QT.QLTM.50
87	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	QT.QLTM.51
88	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	QT.QLTM.52
89	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	QT.QLTM.53
90	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT.QLTM.54
91	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	QT.QLTM.55
92	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	QT.QLTM.56
93	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	QT.QLTM.57
94	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	QT.QLTM.58
95	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	QT.QLTM.59
96	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	QT.QLTM.60
97	Cấp bản xác nhận nhu cầu nhập khẩu thép.	QT.QLTM.61
98	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	QT.QLTM.62
99	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	QT.QLTM.63
100	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	QT.QLTM.64
101	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	QT.QLTM.65
102	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	QT.QLTM.66

103	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	QT.QLTM.67
104	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	QT.QLCN.01
105	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	QT.QLCN.02
106	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	QT.QLCN.03
107	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.	QT.QLCN.04
108	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.	QT.QLCN.05
109	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)	QT.QLNL.01
110	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	QT.QLNL.02
111	Cấp lại thẻ an toàn điện	QT.QLNL.03
112	Huấn luyện và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện	QT.QLNL.04
113	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	QT.QLNL.05
114	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	QT.QLNL.06
115	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	QT.QLNL.07
116	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	QT.QLNL.08
117	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	QT.QLNL.09
118	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	QT.QLNL.10
119	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	QT.QLNL.11
120	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	QT.QLNL.12
121	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	QT.QLNL.13
122	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương cấp tỉnh trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ.	QT.QLNL.14